

Số: 29/2022/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 27 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về sản xuất trồng trọt, giống cây trồng nông nghiệp, sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp, phân bón, bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật nội địa, thuốc bảo vệ thực vật, khử trùng, quản lý dịch vụ công thuộc phạm vi lĩnh vực được giao và hoạt động sự nghiệp về bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh.

2. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có tư cách pháp nhân, có con dấu và có tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Trồng trọt và Cục Bảo vệ thực vật trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất trồng trọt, giống cây trồng nông nghiệp, sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, phân bón, bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, quản lý thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật đã được phê duyệt. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao.

3. Trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc phê duyệt theo thẩm quyền các văn bản cá biệt thuộc chuyên ngành, lĩnh vực công tác thuộc phạm vi quản lý của Chi cục.

4. Về chỉ đạo sản xuất trồng trọt

a) Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất trồng trọt hàng vụ, hàng năm và từng giai đoạn của tỉnh; chủ trì thực hiện và tổng kết, đánh giá kế hoạch sản xuất;

b) Tổ chức thực hiện quy hoạch các vùng sản xuất trồng trọt tập trung sau khi cấp thẩm quyền phê duyệt;

c) Chỉ đạo thực hiện quy trình kỹ thuật trồng trọt đã được ban hành; Hướng dẫn, kiểm tra, thực hiện các quy trình sản xuất an toàn, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và thực hiện sản xuất trồng trọt theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (GAP), hữu cơ trên địa bàn;

d) Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến sản xuất an toàn; thẩm định, cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở trồng trọt;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống theo mùa vụ, thời vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh;

e) Thực hiện các biện pháp khắc phục thiên tai trong sản xuất trồng trọt.

5. Về quản lý giống cây trồng

a) Hướng dẫn cơ cấu giống, sử dụng giống cây trồng; quản lý, khai thác cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng; ứng dụng công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng thuộc lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát; phối hợp thanh tra việc sản xuất kinh doanh, sử dụng giống cây trồng; theo dõi, giám sát việc khảo nghiệm, sản xuất thử, đề xuất công nhận và đề xuất công nhận đặc cách giống mới trên địa bàn tỉnh;

c) Đề xuất công nhận cấp, cấp lại, hủy bỏ hiệu lực giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng trên địa bàn tỉnh; báo cáo và công bố công khai theo quy định;

d) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ công bố hợp quy chất lượng các loại giống cây trồng; hướng dẫn, kiểm tra cấp mã số cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng nông nghiệp; quản lý, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất giống nông hộ trên địa bàn tỉnh;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về giống cây trồng.

6. Về quản lý phân bón

a) Thực hiện việc quản lý sản xuất, buôn bán, sử dụng, bảo quản, vận chuyển, quảng cáo, thu hồi, tiêu hủy phân bón trên địa bàn; tiếp nhận công bố hợp quy về phân bón của các tổ chức, cá nhân theo quy định.

b) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát; phối hợp thanh tra việc sản xuất kinh doanh, nhận xét, đánh giá kết quả khảo nghiệm phân bón mới trên địa bàn tỉnh;

c) Hướng dẫn sử dụng các loại phân bón đúng kỹ thuật, đạt hiệu quả cao, đảm bảo an toàn thực phẩm và hạn chế gây ô nhiễm môi trường.

7. Sử dụng tài nguyên trong canh tác

a) Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phương án sử dụng và bảo vệ đất, nước, sinh vật có ích trong canh tác;

b) Hướng dẫn xây dựng, thẩm định phương án sử dụng lớp đất mặt; phương án khai hoang, phục hóa, cải tạo đất trồng lúa và đất trồng trọt khác;

c) Hướng dẫn xây dựng, thực hiện kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nuôi trồng thủy sản trên đất lúa.

8. Về bảo vệ thực vật

a) Tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát thực nghiệm, phát hiện, dự tính dự báo thời gian phát sinh, phạm vi và mức độ gây hại của những sinh vật gây hại thực vật trên địa bàn tỉnh; thông báo kịp thời và đề xuất chủ trương, hướng dẫn biện pháp kỹ thuật phòng chống sinh vật gây hại. Xây dựng, duy trì hệ thống điều tra, phát hiện, cảnh báo, cơ sở dữ liệu và biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại;

b) Kiểm tra, xác minh và tham mưu trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố dịch, công bố hết dịch hại thực vật theo quy định của pháp luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

c) Tham mưu chính quyền địa phương, cơ quan quản lý về tổ chức, chỉ đạo, chính sách phòng chống sinh vật gây hại thực vật;

d) Tiếp nhận, xử lý thông tin và hướng dẫn các biện pháp xử lý đối với các sinh vật gây hại được chủ thực vật, tổ chức, cá nhân thông báo;

đ) Đề xuất các biện pháp khắc phục hậu quả do thiên tai, dịch hại gây ra để khôi phục sản xuất nông nghiệp và ổn định đời sống nhân dân.

9. Về kiểm dịch thực vật

a) Điều tra sinh vật gây hại sản phẩm thực vật lưu trữ trong kho; giám sát, đánh giá sinh vật gây hại giống cây trồng, sinh vật có ích nhập nội; giám sát vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật, các ổ dịch, vùng dịch hại thuộc diện điều chỉnh;

b) Kiểm tra, giám sát các lô vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật từ vùng dịch hoặc đi qua vùng dịch theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức và quản lý công tác khử trùng sản phẩm thực vật bảo quản tại địa phương theo quy định của pháp luật.

10. Về quản lý thuốc bảo vệ thực vật

a) Thực hiện việc quản lý sản xuất, buôn bán, sử dụng, bảo quản, vận chuyển, quảng cáo, thu hồi thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn; tiếp nhận công bố hợp quy về thuốc bảo vệ thực vật của các tổ chức, cá nhân theo quy định;

b) Hướng dẫn thu gom bao, gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng để tiêu hủy theo đúng quy định;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên cây trồng theo quy định.

d) Tổ chức kiểm định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong nông, lâm sản và môi trường nông thôn sau khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

11. Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi các loại giấy chứng nhận, giấy phép có liên quan đến bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật theo hướng dẫn của Cục Bảo vệ thực vật; quản lý việc thu và sử dụng các loại phí theo quy định của pháp luật.

12. Tổ chức, thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật theo phân công của Giám đốc Sở và quy định pháp luật.

13. Tham mưu giúp Giám đốc Sở quản lý dự trữ địa phương về giống cây trồng nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư hàng hóa thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

14. Xây dựng, trình phê duyệt và thực hiện các dự án điều tra cơ bản về giống cây trồng, bảo tồn giống cây trồng; thực hiện điều tra, thống kê và quản lý cơ sở dữ liệu về trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh.

15. Thực hiện công tác khuyến nông về trồng trọt và bảo vệ thực vật theo phân công của Giám đốc Sở; thực nghiệm và chuyển giao áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ về trồng trọt và bảo vệ thực vật vào sản xuất.

16. Thực hiện dịch vụ kỹ thuật về trồng trọt, bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý vi phạm về việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định.

18. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

19. Thực hiện chế độ thông báo, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình, kết quả công tác trồng trọt, bảo vệ thực vật và các hoạt động khác có liên quan ở địa phương theo quy định với cơ quan quản lý trực tiếp và cơ quan chuyên ngành cấp trên; cập nhật, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu về trồng trọt, bảo vệ thực vật theo quy định phục vụ công tác chỉ đạo; tổng kết, đánh giá hoạt động trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh.

20. Tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính; quản lý tổ chức, biên chế công chức, số lượng người làm việc, tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

21. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Lãnh đạo

a) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có Chi cục trưởng và 01 Phó Chi cục trưởng.

b) Chi cục trưởng là người đứng đầu Chi cục, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục.

c) Phó Chi cục trưởng chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công.

d) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ, chính sách đối với lãnh đạo Chi cục thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của tỉnh.

2. Các phòng chuyên môn nghiệp vụ:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;

b) Phòng Kỹ thuật - Nghiệp vụ.

3. Các đơn vị trực thuộc: 13 Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện, thành, thị; 01 Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa.

4. Biên chế

Biên chế công chức, số lượng người làm việc của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số biên chế công chức, số lượng người làm việc của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo kế hoạch, chỉ tiêu biên chế hàng năm.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2022. Điều 2, Điều 3 Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc đổi tên Chi cục Bảo vệ thực vật thành Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và quy định cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 367/QĐ-SNN ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị; Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Quang